TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN Ô MÔN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Nương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Việt

2. Bà Ngô Thị Út Hậu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Chị Trần Thị V, sinh năm: 1980. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Khu vực T, phường P, quận O, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Anh Thái Văn H, sinh năm 1976. Có mặt.

Địa chỉ cư trú: Khu vực T, phường P, quận O, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02-5-2018 và trình bày của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

Qua mai mối giới thiệu, chị Trần Thị V và anh Thái Văn H tự nguyện tiến tới quan hệ hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 05-5-2004 tại UBND phường P, quận O, thành phố Cần Thơ. Trong quá trình chung sống, anh chị có 02 con chung là Thái Ngọc S, sinh ngày 18/7/2005 và Thái Trần H, sinh ngày 12/7/2013.

Chị V cho rằng: thời gian đầu kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến đầu năm 2018 thì mâu thẫn càng gay gắt. Nguyên nhân do anh H không quan tâm chăm sóc gia đình vợ con, thường xuyên ăn nhậu về chửi mắng vợ con. Chị đã cố nín nhịn tìm nhiều biện pháp để hàn gắn

nhưng mâu thuẫn không giải quyết được và ngày càng trầm trọng hơn và anh chị sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Do đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị V yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Hiện hai con đang sống ổn định với chị V và chị yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chi V xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, nếu có tranh chấp sẽ yêu cầu Toà án giải quyết bằng vụ án khác.

Anh Thái Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên. Bị đơn anh Thái Văn H có mặt không đồng ý ly hôn; nếu ly hôn yêu cầu nuôi dưỡng con Thái Trần H, không yêu cầu chị V cấp dưỡng.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nH định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Trần Thị V khởi kiện xin ly hôn với anh Thái Văn H và yêu cầu trực tiếp nuôi con, nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa công dân và công dân được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhiều lần tham gia phiên hòa giải nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn để tham gia phiên tòa và tại phiên tòa bị đơn có mặt nên tiến hành xét xử có mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị V và anh H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 5 năm 2004 tại UBND phường P, quận O, thành phố Cần Thơ nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên tắc của hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét chị V cho rằng chị và anh H đã phát sinh những mâu thuẫn trầm trọng thời gian dài và mâu thuẫn gay gắt từ đầu năm 2018. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh H không quan tâm chăm sóc giúp đỡ vợ con, thường xuyên ăn nhậu về chửi mắng xúc phạm vợ con và chị không thể tiếp tục chung sống với anh H nên đã sống ly thân. Nay tình cảm của chị dành cho anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết yêu cầu ly hôn. Anh H không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ, không muốn bỏ vợ. Anh H thừa nhận bản thân thương xuyên uống rượu với bạn bè, cuộc sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cự cãi. Anh cũng không có biện pháp, thái độ thể hiện sự mong muốn hàn gắn tình cảm

vợ chồng, lớn tiếng chửi mắng chị V tại phiên tòa và chị V cương quyết xin ly hôn. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã rạn nứt, không còn sự tôn trọng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chị V yêu cầu xin ly hôn với anh H là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình.

[5] Xét xề con chung: Anh chị xác định có 02 người con chung là Thái Ngọc S, sinh ngày 18/7/2005 và Thái Trần H, sinh ngày 12/7/2013. Nay chị V yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con đến trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Anh H đồng ý giao cháu S cho chị V nuôi dưỡng và yêu cầu nuôi dưỡng cháu Thái Trần H. Anh trình bày bản thân thu nhập không ổn định, thời gian qua cháu Thái Trần H sống với anh thì anh cũng không cho cháu đi học. Xét cháu Thái Ngọc S có nguyện vọng muốn sống với mẹ. Anh chị xác định chị V đang làm công nhân, thu nhập ổn định. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và để tạo điều kiện cho hai con được chung sống chăm sóc lẫn nhau nên giao hai con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Song, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con là thiêng liêng nên người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở anh H thực hiện quyền này. Chị V không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: chị V xác định không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh H cũng không có yêu cầu giải quyết về tài sản. Do đó, về tài sản chung, nợ chung tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu và theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

[7] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2015;

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 177; Điều 179; Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị V được ly hôn với anh Thái Văn H.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung là Thái Ngọc S, sinh ngày 18/7/2005 và Thái Trần H, sinh ngày 12/7/2013 cho chị Trần Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị V không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Thái Văn H, không ai được quyền ngăn cản anh H thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi các bên đương sự có yêu cầu và theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

4/ Về án phí: Chị Trần Thị V phải chịu án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 001897 ngày 11-5-2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Chị Trần Thị V đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Lưu Thị Hồng Nương

Nơi nH:
- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBNDphường P;
- Lưu hồ sơ vụ án.